TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 198/2024/QĐST-VHNGĐ	*Thủ Dầu Một, ngày 18 tháng 9 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG.

Căn cứ vào các Điều 149, 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 54, 55, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 247/2024/TLST-VHNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2024 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con", giữa:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình:

- Bà Hoàng Thị Quỳnh N, sinh năm: 2000; địa chỉ: số F đường L, tổ D, khu phố D, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- Ông Phạm Đức N1, sinh năm: 2000; địa chỉ: tổ A, ấp A, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 10/9/2024, bà Hoàng Thị Quỳnh N và ông Phạm Đức N1 đều thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà N và ông N1 yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy, việc thật sự tự nguyện ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Tòa án công nhận.

[2] Về con chung: Quá trình chung sống, bà N và ông N1 có 01 (một) con chung là cháu Phạm Hoàng Thiên A, sinh ngày 20/5/2023. Sau khi ly hôn, vợ chồng thỏa thuận cháu A sẽ do bà bà N trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà N và ông N1 tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà N và ông N1 thống nhất không tranh chấp, không yêu cầu Toà án giải quyết.

[5] Về lệ phí: Bà Hoàng Thị Quỳnh N và ông Phạm Đức N1 mỗi người phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí việc dân sự sơ thẩm. Tổng cộng là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được trừ hết vào số tiền tạm ứng lệ phí bà N đã nộp và nộp thay ông N1 đã nộp theo biên lai thu số 0003022 ngày 05/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

[1.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị Quỳnh N và ông Phạm Đức N1 thuận tình ly hôn.

[1.2] Về con chung: Giao con chung là cháu Phạm Hoàng Thiên A, sinh ngày 20/5/2023 cho bà Hoàng Thị Quỳnh N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

[1.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Hoàng Thị Quỳnh N và ông Phạm Đức N1 tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Vì quyền lợi hợp pháp của con, Toà án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

[1.4] Về tài sản chung, nợ chung Bà Hoàng Thị Quỳnh N và ông Phạm Đức N1 thống nhất không tranh chấp, không yêu cầu nên Toà án không giải quyết.

2. Về lệ phí: Bà Hoàng Thị Quỳnh N và ông Phạm Đức N1 mỗi người phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí việc dân sự sơ thẩm. Tổng cộng là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được trừ hết vào số tiền tạm ứng lệ phí bà N đã nộp và nộp thay ông N1 đã nộp theo biên lai thu số 0003022 ngày 05/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Dầu Một;
- UBND phường Tương Bình Hiệp, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (GCNKH số 79 ngày 23/9/2022).
- Người yêu cầu;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Ái Ngân